

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương khoảng 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm) và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn, công suất 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm)” do Công ty TNHH Best Innovation Glove làm chủ đầu tư tại lô C5-1, C7-2 và C7-3, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế sau khi lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm lên 34.800.000 bộ/năm và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn công suất 18.000.000 bộ/năm;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương khoảng 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm) và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn công suất 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm)” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/2022/BEIG ngày 17/01/2022 của Công ty TNHH Best Innovation Glove;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 06/TTr-BQL ngày 27/01/2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương khoảng 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm) và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn, công suất 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm)” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Best Innovation Glove (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm chủ đầu tư tại lô C5-1, C7-2 và C7-3, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 800.000 bộ/năm lên 15.000.000 bộ/năm” do Công ty TNHH Best Innovation Glove làm chủ đầu tư tại lô C5-1, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Best Innovation Glove và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UBND xã Minh Hưng;
- Công ty TNHH C&N Vina;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-3KKT_{27/1}) 5.c

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương khoảng 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm) và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn, công suất 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm)” do Công ty TNHH Best Innovation Glove làm chủ đầu tư tại lô C5-1, C7-2 và C7-3, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-UBND ngày 29 / 04 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương khoảng 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm) và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn, công suất 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/năm).

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô C5-1, C7-2 và C7-3, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Best Innovation Glove.

Địa chỉ liên hệ: Lô C5-1, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay cao su và bổ sung dây chuyền sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn được thực hiện trên diện tích 19.469 m², bao gồm các hạng mục:

+ Công trình chính: Nhà xưởng, nhà kho, nhà ăn + vệ sinh, khu phụ trợ xưởng sản xuất mới, nhà nghỉ giữa ca, nhà bảo vệ, khu bồn chứa cao su.

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý khí thải, nhà ép bùn, kho chứa hoá chất xử lý nước thải, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chứa chất thải nguy hại.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất găng tay cao su: Nâng công suất từ 15.000.000 bộ/năm (tương đương 1.500 tấn/năm) lên 34.800.000 bộ/năm (tương đương 3.480 tấn/năm).

+ Sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn: 18.000.000 bộ/năm (tương đương 900 tấn/ năm).

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình sản xuất găng tay cao su:

Khuôn găng tay kim loại → Rửa khuôn (1)

Cao su latex (đã qua sơ chế và lưu hoá) → Phối trộn nguyên liệu → Ủ 7 ngày (2)

(1) + (2) → Nhúng tạo đông, nhúng latex → Se viên → Nhúng nước nóng → Sấy khô (lần 1) → Lột găng thủ công → Giặt lần 1 → Giặt lần 2 → Giặt lần 3 → Giặt lần 4 → Sấy khô (lần 2) → Phân loại, kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- *Quy trình sản xuất găng tay bảo hộ lao động chống trơn*

Cao su latex (đã qua sơ chế và lưu hoá) → Phối trộn nguyên liệu → Ủ 7 ngày (1)

Găng tay vải → Lồng vào khuôn (2)

(1) + (2) → Nhúng latex → Sấy khô → Lột găng tay ra khỏi khuôn → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển, bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng và lắp đặt thiết bị, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy móc thiết bị; các tác động khi nhà máy hoạt động sản xuất với công suất hiện hữu.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 18 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần, gồm: BOD₅, COD₅, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 3,6 m³/ngày, bao gồm: nước thải rửa xe và nước thải từ quá trình thi công xây dựng, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ,...

- *Giai đoạn hoạt động hiện hữu:*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và nước thải nhà ăn với các thông số ô nhiễm, gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform,... với lưu lượng khoảng 16,5 m³/ngày.

+ Nước thải sản xuất khoảng 173,152 m³/ngày kèm với các thông số ô nhiễm gồm: Độ màu, chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform,....

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và nước thải nhà ăn với các thông số ô nhiễm gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform,... với lưu lượng khoảng 30,25 m³/ngày.

- Nước thải sản xuất khoảng 646,65 m³/ngày với các thông số ô nhiễm gồm: Độ màu, chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, Nitơ (N), Photpho (P), coliform,....

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng: Chứa các thành phần ô nhiễm như: bụi, NO_x, CO, VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động lắp đặt thiết bị: Quá trình khoan, cắt, hàn, phát sinh chủ yếu: bụi, hơi kim loại.

- Giai đoạn hoạt động hiện hữu:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy: Thành phần khí thải gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO.

+ Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Bụi, khí thải từ quá trình vận hành lò hơi đốt viên nén mùn cưa và khí thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất. Thành phần các chất ô nhiễm gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S, HCl,...

+ Mùi hôi phát sinh (NH₃, H₂S, Mecaptan,...) từ hệ thống xử lý nước thải và tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy: Thành phần khí thải gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Bụi, khí thải từ quá trình vận hành lò hơi đốt viên nén mùn cưa và khí thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất. Thành phần các chất ô nhiễm gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S, HCl,...

- Mùi hôi phát sinh (NH₃, H₂S, Mecaptan,...) từ hệ thống xử lý nước thải và tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 77,49 tấn cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là: bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn, gỗ vụn ván khuôn hư,...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 60 kg/ngày, thành phần gồm: rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp,...

- Giai đoạn hoạt động hiện hữu:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên bao gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,... với khối lượng khoảng 31,2 kg/ngày.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường như: cao su phế phẩm, xỉ lò hơi, bao bì, nhãn mác các loại,... với khối lượng khoảng 314,9 kg/ngày.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên bao gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,... với khối lượng khoảng 110 kg/ngày

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường như: Cao su phế phẩm, xỉ lò hơi, bao bì, nhãn mác các loại,... với khối lượng khoảng 837,73 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 729 kg cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bao bì đựng sơn, đầu mâu que hàn, giấy nhám,...

- *Giai đoạn hoạt động hiện hữu:* Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ nhà máy bao gồm: Giẻ lau dính các thành phần nguy hại, bao tay dính hóa chất, thùng nhựa dính thành phần nguy hại, pin, ắc quy chì thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, cặn cao su có chứa hoá chất, hoá chất vô cơ thải, hoá chất hữu cơ thải,.. với khối lượng khoảng 96,2 kg/ngày.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ nhà máy bao gồm: Giẻ lau dính các thành phần nguy hại, bao tay dính hóa chất, thùng nhựa dính thành phần nguy hại, pin, ắc quy chì thải, than hoạt tính thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, cặn cao su có chứa hoá chất, hoá chất vô cơ thải, hoá chất hữu cơ thải,... với khối lượng khoảng 369,54 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh của nhà xưởng hiện hữu và được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng:* Bố trí hồ lắng có dung tích 2,4 m³ để giữ lại các chất thải rắn có trong nước thải. Nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc. Kết thúc quá trình xây dựng, hồ lắng được san ủi, hoàn trả lại mặt bằng.

- *Trong giai đoạn hoạt động hiện hữu:* Sử dụng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, công suất 200 m³/ngày với quy trình, bao gồm các hạng mục chính: Nước thải sản xuất (sau bể gom), nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 03 ngăn) → Bể điều hòa → Điều chỉnh pH → Tháp khử amoni, keo tụ tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể sinh học anoxic, aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, không thải bỏ ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 200 m³/ngày lên 700 m³/ngày với quy trình bao gồm các hạng mục chính: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 03 ngăn) → Bể gom → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể keo tụ, tạo bông → Bể DAF → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp; các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân,...

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm: mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công,...

- *Trong giai đoạn hoạt động hiện hữu:*

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy,...

+ *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải lò hơi (3 tấn hơi/giờ):* Sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò hơi 3 tấn/giờ hiện hữu, công suất 5.000 m³/giờ với quy trình xử lý

như sau: Khí thải lò hơi → Thiết bị lọc bụi cyclone → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí.

+ *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình sản xuất*: Nhà xưởng xây dựng thông gió tự nhiên, thông gió bằng quạt hút và quạt đẩy; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát sinh mùi, khí thải ra môi trường; thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*:

+ Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng và sản xuất hiện hữu đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải, đảm bảo quy định; $k_v = 1,0$) và các quy định hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy*: Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy,...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải lò hơi (3 tấn hơi/giờ)*: Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò hơi 3 tấn/giờ hiện hữu, công suất 5.000 m³/giờ với quy trình xử lý như sau: Khí thải lò hơi → Thiết bị lọc bụi cyclone → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải lò hơi (6 tấn hơi/giờ)*: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình xử lý như sau: Khí thải lò hơi → Thiết bị lọc bụi cyclone → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sản xuất*: Lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất với quy trình: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp xử lý (hấp thụ + hấp phụ) → Ống thoát. Bên cạnh đó, Dự án còn áp dụng các biện pháp khác như: Nhà xưởng xây dựng thông gió tự nhiên, thông gió bằng quạt hút và quạt đẩy; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát sinh mùi, khí thải ra môi trường; thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*:

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21

tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải, đảm bảo quy định; $k_v = 1,0$) và các quy định hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 240 lít, sau đó tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường hiện hữu, diện tích 35 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 60 - 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tập kết về khu vực chứa chất thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ và phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và lưu chứa vào kho chứa các chất thải rắn công nghiệp thông thường (tại nhà máy hiện hữu có diện tích 35 m² và 01 kho chứa mới có diện tích 20 m² tại nhà xưởng mới). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.



3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích khoảng 70 m², có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại với tổng diện tích khoảng 100 m², có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị, máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt; trồng cây xanh trong khu vực nhà máy,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có

liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân,...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Lắp đặt các hệ thống hút và xử lý khí thải cho các chuyền sản xuất, tránh để nhiệt dư từ khí thải phát tán ra xưởng sản xuất; thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt; trồng cây xanh trong khu vực nhà máy,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn hoá chất, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (8 bể, tổng thể tích 79,2 m³).
- Hệ thống xử lý nước thải cục bộ 700 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 3 tấn/giờ, công suất 5.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 6 tấn/giờ, công suất 10.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải (02 hệ thống: công suất 26.000 m³/ giờ và công suất 20.000 m³/ giờ).
- Kho chứa chất thải sinh hoạt (số lượng 01 kho, diện tích 5 m²).
- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng 02 kho, tổng diện tích 55 m²).

- Kho chứa chất thải nguy hại (số lượng 02 kho, tổng diện tích 100 m²).
- Thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của dự án:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, NO₂, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát không khí khu vực sản xuất hiện hữu:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực phối trộn nguyên liệu, giặt, nhuộm; 01 vị trí tại khu vực cân, pha trộn hoá chất.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S, HCl, HCOOH.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.3. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 3 tấn/giờ.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp theo lưu lượng của nguồn thải, đảm bảo quy định; kv = 1,0).

5.1.4. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, công suất 200 m³/ngày; 01 điểm tại vị trí đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, độ màu, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, Amoni, Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.1.5. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: Theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí tại khu vực phối trộn nguyên liệu, giặt, nhuộm; 02 vị trí tại khu vực cân, pha trộn hoá chất.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S, HCl, HCOOH.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 3 tấn/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO.

+ 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 6 tấn/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO.

+ 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải, công suất 26.000 m³/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, NH₃, H₂S, HCl.

+ 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000 m³/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, NH₃, H₂S, HCl.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp theo lưu lượng của nguồn thải, đảm bảo quy định; kv = 1,0).



5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí (01 vị trí tại hố thu gom đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, công suất 700 m³/ngày; 01 vị trí sau xử lý tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc).

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, độ màu, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, Amoni, Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

6.1. Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định pháp luật.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.